TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST
Ngày: 02 - 02 - 2021
V/v Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Hùng.

2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2020/TLDS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXDS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lâm Thị L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 224, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 và bà Tô Thị Thanh V, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Số 249, ấp G, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà L có mặt; ông T và bà V vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Lâm Thị L, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Lâm Thị L trình bày: Ông Nguyễn Văn T và bà Tô Thị Thanh V là vợ chồng. Vào ngày 05 tháng 6 năm 2020, bà cho ông T và bà V vay số tiền 172.000.000 đồng. Khi bà giao số tiền 172.000.000 đồng cho ông T và bà V thì ông T viết, ký biên nhận nợ. Khi vay các bên thỏa thuận miệng với lãi suất là 3%, thời hạn vay 01 tuần. Từ khi vay đến nay, ông T và bà V chưa trả cho bà được khoản tiền gốc, lãi nào. Mục đích ông T và bà V vay tiền của bà để đáo nợ Ngân hàng và làm ăn trong gia đình. Khi vay ông T và bà V không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông T và bà V phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà tiền vay gốc 172.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tống đạt hợp lệ đối với ông T và bà V nhưng ông T và bà V không đến tham dự các phiên hòa giải theo quy định pháp luật. Đồng thời, ông T và bà V cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì và không gửi văn bản nêu ý kiến về việc bà L khởi kiện yêu cầu ông T và bà V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà L. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, trong đó bị đơn là ông T và bà V có địa chỉ tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của ông T và bà V tại phiên tòa: Ông T và bà V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông T và bà V vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà V là phù hợp theo các Điều 177, 179, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà L khởi kiện yêu cầu ông T và bà V phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền vay gốc 172.000.000 đồng là có chứng cứ chứng minh thể hiện qua biên nhận ngày 05 tháng 6 năm 2020 do ông T ký nhận nợ. Đồng thời, trong biên nhận ngày 05 tháng 6 năm 2020 thể hiện mục đích ông T sử dụng tiền vay của bà L để đáo nợ Ngân hàng nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình ông T bà V. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của bà L, buộc ông T và bà V phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền gốc 172.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với các 463, 466, 288 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T và bà V phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 172.000.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước. Bà L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 179, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 288 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình; các Điều 3, 6, 12, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Tô Thị Thanh V phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lâm Thị L số tiền 172.000.000 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Án phí của vụ án là 8.600.000 đồng (tám triệu sáu trăm nghìn đồng). Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Tô Thị Thanh V phải có nghĩa vụ liên đới chịu 8.600.000 đồng (tám triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.2 Về tạm ứng án phí: Hoàn trả lại cho bà Lâm Thị L 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009453 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

3. Án xử công khai sơ thẩm có mặt đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Diệu